TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST Ngày: 25/7/2018 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Học và bà Lê Thị Lâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên

Ngày 25/7/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Q** - Sinh năm: 1991

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn D** - Sinh năm: 1988

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Q đều thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không chịu khó làm ăn, nghiện ma túy, về nhà thường xuyên chửi bới, hành hạ chị Q. Sự việc đã xảy ra rất nhiều lần. Chị Q và gia đình đã nhiều lần khuyên

bảo nhưng anh D vẫn chứng nào tạt nấy, không thay đổi. Do không thể chung sống nên tháng 10 năm 2017, chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở xã M, huyện Tĩnh Gia để sinh sống cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị Q xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Q và anh D có 01 con chung là: Nguyễn Trần Trung X – Sinh ngày: 05/10/2016. Nguyện vọng của chị Q xin được nuôi cháu X, chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia phát biểu quan điểm:*

Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Xử cho chị Q được ly hôn anh D. Giao cháu Nguyễn Trần Trung X - Sinh ngày: 05/10/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét. Chị Q không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản nên không đề nghị xem xét. Buộc chị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại Thôn S, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tống đạt hợp lệ cho anh D nhưng anh D không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Q, không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh D nhưng anh D cũng không tham gia phiên tòa. Theo Biên bản xác minh ngày 30/3/2018: Anh D hiện tại không có mặt tại địa phương, anh D đi đâu, làm gì không rõ, thời gian anh Diên đi khỏi địa phương từ cuối tháng 3 năm 2018. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Theo biên bản xác minh các ngày 30/3/2018 và 28/4/2018, được biết: Anh D là đối tượng nghiện ma túy, do đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 10 năm 2017, chị Q đã về gia đình bên ngoại ở xã M để sinh sống. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị Q và anh D không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q được ly hôn đối với anh D.

[3] Về con chung: Chị Q và anh D có một con chung là: Nguyễn Trần Trung X - Sinh ngày: 05/10/2016

Chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Xét thấy cháu X chưa đủ 36 tháng tuổi, chị Q có việc làm và thu nhập ổn định nên giao cháu X cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Do đó hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, buộc chị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

- Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q. Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về Con chung: Chị Q và anh D có một con chung là: Nguyễn Trần Trung X - Sinh ngày: 05/10/2016

Giao cháu X cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Chị Q không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về Tài sản: Chị Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số

AA/2016/0005555 ngày 23/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị Q, vắng mặt anh D. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bắc